

Bản án số: 88/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính
Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số A Phố L, H, H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện T - tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 31/5/2024.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2024 của nguyên đơn Ngân hàng C (gọi tắt Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngân hàng C PGD huyện C có cho ông Nguyễn Văn T1 đại diện hộ gia đình vay các khoản vốn như sau:

- Món vay thứ nhất: Vào ngày 10/6/2019, số tiền vay 50.000.000 đồng của chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn 36 tháng, kỳ trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 10/6/2022, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng. Đến hạn trả cuối cùng ngày 10/6/2022 ông T1 chưa có khả năng trả nợ nên có đề nghị ngân hàng xem xét cho gia hạn nợ 02 lần đến ngày 10/6/2023 và đến ngày 10/11/2023 và được ngân hàng chấp nhận. Đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/11/2023 ông T1 không trả được nợ gốc nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn, đến nay đã quá hạn 08 tháng. Tính đến ngày 18/7/2024 tổng số tiền ông T1 còn nợ ngân hàng là 66.740.000 đồng, trong đó vốn gốc 50.000.000 đồng, lãi 16.740.000 đồng.

- Món vay thứ hai: Vào ngày 10/3/2020, số tiền vay 20.000.000 đồng của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 09%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 10/3/2025, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng. Tính đến ngày 18/7/2024 tổng số tiền ông T1 còn nợ là 27.160.000 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi 7.160.000 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và khế ước nhận nợ ông T1 cam kết tiền lãi sẽ được trả hàng tháng và 06 tháng trả gốc theo phân kỳ. Nhưng đến nay ông T1 không thực hiện đúng theo thoả thuận. Tính đến ngày 12/9/2024 các món vay trên ông T1 nợ cụ thể:

Món vay thứ nhất gốc 50.000.000 đồng và lãi 17.671.477 đồng (lãi được tính như sau: Tổng tiền lãi là 22.750.788 đồng (gồm lãi trong hạn số tiền 18.240.411 đồng (tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/11/2023 = 1.614 ngày, mức lãi suất 8,25%/năm) và lãi quá hạn 4.510.377 đồng (tính từ ngày 10/11/2023 đến ngày 12/9/2024 = 307 ngày, mức lãi suất 10,725%/năm), trừ đi tiền lãi bị đơn đã trả 5.079.311 đồng).

Món vay thứ hai nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi 7.455.177 đồng (lãi được tính như sau: Tổng tiền lãi là 8.122.192 đồng (gồm lãi trong hạn tính từ ngày 10/3/2020 đến ngày 12/9/2024 = 1.647 ngày, mức lãi suất 0,75%/tháng) trừ đi tiền lãi bị đơn đã trả 667.015 đồng).

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 95.126.654 đồng, tiền lãi sẽ được cộng thêm hàng tháng cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 12/9/2024 là 95.126.654 đồng, gồm nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 25.126.654 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, phiên tòa được mở lần thứ hai bị đơn vắng mặt không lý do. Theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt không tham gia vụ án dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hoà giải được, việc vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ Sổ vay vốn mã KH: 6200104218, Giấy uỷ quyền ngày 01/6/2019, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 10/6/2019 và ngày 10/3/2020, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/6/2019 và ngày 01/3/2020 thể hiện nội dung:

Vào ngày 10/6/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho hộ ông Nguyễn Văn T1 vay số tiền vốn 50.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi heo sinh sản, theo chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn 36 tháng, kỳ trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 10/6/2022, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và trả gốc theo kỳ, chỉ trả được cho ngân hàng số tiền lãi 5.079.311 đồng, không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận, còn nợ lại vốn gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 17.671.477 đồng.

Vào ngày 10/3/2020 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho hộ ông Nguyễn Văn T1 vay số tiền vốn 20.000.000 đồng, mục đích vay cải tạo và nâng cấp công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, theo chương trình cho vay nước sạch và vệ

sinh môi trường nông thôn, lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn 60 tháng, kỳ trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 10/3/2025, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và trả gốc theo kỳ, chỉ trả được cho ngân hàng số tiền lãi 667.015 đồng, không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận, còn nợ lại vốn gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 7.455.177 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B trả số tiền còn nợ của hai khoản vay nêu trên tính đến ngày 12/9/2024 tổng cộng 95.126.654 đồng, gồm nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 25.126.654 đồng và phải chịu lãi phát sinh mức lãi suất theo thỏa thuận cho đến khi trả dứt nợ, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền còn nợ tính đến ngày 12/9/2024 tổng cộng 95.126.654 đồng, gồm nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 25.126.654 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 10/6/2019 và ngày 10/3/2020, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/6/2019 và ngày 01/3/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 4.756.332 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp